



D. Mắt cận thị khi không điều tiết có  $f_{\max} > OV$

**Câu 15:** Khi quan sát vật bằng kính hiển vi, người ta điều chỉnh kính bằng cách:

- A. Thay đổi khoảng cách giữa vật kính và thị kính
- B. Thay đổi khoảng cách từ vật kính đến vật cần quan sát
- C. Thay đổi khoảng cách từ mắt đến thị kính
- D. Thay đổi tiêu cự của vật kính

**Câu 16:** Chọn câu **Sai** khi nói về kính lúp

- A. Độ bội giác của kính lúp không phụ thuộc vị trí mắt của người quan sát.
- B. Khi người quan sát ngắm chừng ở điểm cực cận thì độ bội giác bằng độ phóng đại của ảnh.
- C. Độ bội giác của kính lúp khi ngắm chừng ở vô cực và khi mắt đặt tiêu điểm ảnh của kính lúp như nhau.
- D. Khi ngắm chừng ở vô cực, độ bội giác không phụ thuộc vị trí đặt mắt.

**Câu 17:** Một máy ảnh có vật kính tiêu cự 12cm có thể chụp được ảnh của các vật từ vô cực đến vị trí cách vật kính 1m. Vật kính phải di chuyển một đoạn:

- A. 1,15cm.
- B. 10,1cm.
- C. 1,05cm.
- D. 1,63cm.

**Câu 18:** Một vật phẳng nhỏ AB được đặt trước một thấu kính cho ảnh rõ nét trên màn, cho vật dịch chuyển ra xa thấu kính 5cm thì màn phải dịch đi 22,5cm mới thu lại ảnh rõ nét, ảnh sau cao bằng 1/2 ảnh trước. Tiêu cự của thấu kính là:

- A.  $f=10\text{cm}$
- B.  $f=20\text{cm}$
- C.  $f=5\text{cm}$
- D.  $f=15\text{cm}$

**Câu 19:** Vật sáng AB song song và cách màn 80cm. Dịch chuyển một thấu kính từ vật tới màn sao cho tiêu cự của thấu kính đi qua vật sáng và vuông góc với vật sáng thì ta tìm được một vị trí duy nhất cho ảnh rõ nét trên màn. Tiêu cự của thấu kính là:

- A.  $f=40\text{cm}$
- B.  $f=30\text{cm}$
- C.  $f=10\text{cm}$
- D.  $f=20\text{cm}$

**Câu 20:** Khi quan sát vật bằng kính lúp, ảnh của vật qua kính:

- A. Là ảnh thật, nằm trong giới hạn nhìn rõ của mắt
- B. Là ảnh ảo, ở vị trí bất kì
- C. Là ảnh thật hoặc ảnh ảo, nằm trong giới hạn nhìn rõ của mắt
- D. Là ảnh ảo, nằm trong giới hạn nhìn rõ của mắt

**Câu 21:** Đối với thấu kính phân kì, nhận xét nào dưới đây về tính chất ảnh của một vật thật là đúng:

- A. Vật thật luôn cho ảnh ảo, cùng chiều và nhỏ hơn vật
- B. Vật thật luôn cho ảnh thật, ngược chiều và lớn hơn vật.
- C. Vật thật luôn cho ảnh thật, cùng chiều và lớn hơn vật.
- D. Vật thật luôn cho ảnh ảo, cùng chiều và lớn hơn vật.

**Câu 22:** Chọn câu sai.

- A. Giới hạn nhìn rõ của mắt không có tật là từ điểm cực cận đến vô cực
- B. Mắt cận thị khi không điều tiết có tiêu điểm nằm sau võng mạc
- C. Muốn tăng khả năng nhìn gần, người bị tật cận thị không đeo kính cận thị
- D. Điểm cực cận của mắt viễn thị xa hơn điểm cực cận của mắt cận thị

**Câu 23:** Vật sáng AB đặt vuông góc trục chính thấu kính, ở hai vị trí cách nhau 4cm, qua thấu kính đều cho ảnh cao gấp 5 lần vật. Tính tiêu cự thấu kính

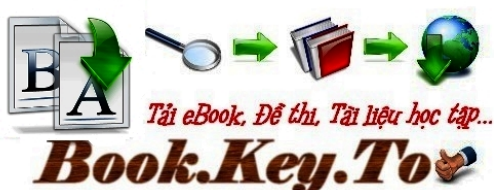
- A. 24cm
- B. 10cm
- C. 30cm
- D. 36cm

**Câu 24:** Một kính lúp trên vành ghi X6,25. Một người cận thị có điểm cực cận cách mắt 12cm quan sát ảnh của một vật nhỏ qua kính trong trạng thái mắt điều tiết tối đa và mắt đặt sát sau kính. Độ bội giác của kính là:

- A. 4,5.
- B. 6,25.
- C. 4.
- D. 3.

**Câu 25:** Một kính hiển vi: vật kính có  $f_1=0,5\text{cm}$ ; thị kính  $f_2=4\text{cm}$ , độ dài quang học  $\delta=15,5\text{cm}$ . Một người cận thị có điểm cực viễn  $C_v$  cách mắt 50cm quan sát một vật nhỏ qua kính mà mắt không điều tiết. Biết năng suất phân li của mắt  $\varepsilon = 2' (1' = 3.10^{-4} \text{Rad})$ . Hai điểm A, B gần nhau nhất trên vật để mắt còn phân biệt được là:

- A.  $AB_{\min} = 11,2.10^{-3}\text{cm}$
- B.  $AB_{\min} = 3,56.10^{-3}\text{cm}$
- C.  $AB_{\min} = 35,2.10^{-3}\text{cm}$
- D.  $AB_{\min} = 70,2.10^{-3}\text{cm}$



***Book.Key.To***

1C  
2A  
3B  
4A  
5C  
6D  
7C  
8C  
9B  
10C  
11D  
12B  
13A  
14A  
15B  
16A  
17D  
18D  
19D  
20D  
21A  
22B  
23B  
24C  
25D